

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 / 2010 / TT- BTC ngày 15.01.2010 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính v/v hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.)

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN



Số: 14 / VTHT – KTTKTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20.04.2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Tên tổ chức niêm yết :
Tên tiếng Anh :
Tên viết tắt :
Mã chứng khoán :
Địa chỉ :
Điện thoại :
Email :
Website :
Vốn điều lệ :
Ngành nghề kinh doanh :

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN
HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
VẬN TẢI HÀ TIÊN
HTV
Km 7 đường Hà nội – Q. Thủ đức – TP HCM
08 . 38978924 – Fax : 38966169
info@vantaihatien.com.vn
www.vantaihatien.com.vn
100.800.000.000 VND

- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước
- Kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải.
- Khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật
Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 04 năm 2009

Giấy CNĐKKD:

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

- Công ty CP Vận Tải Hà Tiên được cổ phần hóa, theo quyết định số 24 / 2000/ QĐ – TTg ngày 21.01.2000 của Thủ Tướng Chính phủ.
- Vào ngày 07.04.2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động ” của Công Ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Vào ngày 07.04.2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động ” của Công Ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Vào ngày 24.04.2000. Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047
 - + Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công Ty : Kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi, và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.
 - + Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng
- Theo Quyết định số 41 / UBCK – GPNY ngày 07.12.2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên. Và sau đó, theo Thông báo số 791 / TTGDHCM – NY ngày 27.12.2005, của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM, ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu HTV của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên là : 05.01.2006.
- Theo Quyết định số 194/UBCK – GCN ngày 15.10.2007, của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.
- Ngày 11.01.2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.

2. Quá trình phát triển :

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những Công ty vận tải thủy, bộ lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là Clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá ... cho các khách hàng lớn như : Công ty CP Vicem Hà tiên, Công ty Xi măng Holcim, Công ty Xi măng Fico ... Ngoài ra, Công Ty còn tham gia vận chuyển các nguồn hàng khác ngoài xã hội.

3. Định hướng phát triển :

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty & chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công Ty trong năm 2011 :

- Trước mắt và trong tương lai gần thì Công ty vẫn đang dẫn đầu thị trường vận chuyển nội địa khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Miền Tây và Đông Nam Bộ. Nhưng hiện nay, khi ngày càng có nhiều công ty vận tải mới thành lập với năng lực tài chính lớn mạnh. Vì vậy, để giữ được vị trí này đòi hỏi Công ty phải từng bước thay đổi và tổ chức lại về con người cũng như phương tiện cho phù hợp.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.
- Trong năm 2011, do Nhà máy XM Bình Phước đi vào hoạt động nên xuất hiện thêm các tuyến vận chuyển clinker bằng đường bộ từ Bình Phước về cảng Tuấn An Phú, và vận chuyển từ cảng Tuấn An Phú về trạm nghiền Phú Hữu & trạm nghiền Thủ Đức bằng đường thủy
- Do sự sáp nhập XM Hà Tiên 1 & XM Hà Tiên 2 cũng tạo ra nhiều cơ hội cho Công ty nhất là các nguồn hàng vận chuyển clinker từ nhà máy XM Kiên Lương về các trạm nghiền Long An, Phú Hữu, Thủ Đức và vận chuyển đá phụ gia, thạch cao cho các tuyến từ Bà Rịa về TPHCM hoặc Cần Thơ
- Trong năm 2011, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 4.623.000 Tấn/ năm tăng 22,70 % so với năm 2010. Đồng thời, dự kiến mua thêm 02 xà lan tự hành 2.600 T và 05 xà lan tự hành 1.400 T để phục vụ nhu cầu vận chuyển
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài lái dất xà lan vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng và giải phóng phương tiện.
- Tổ chức, sắp xếp lại các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có. Để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Những chính sách khoán doanh thu và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.
- Dự báo trong năm 2011 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành KH đã đề ra

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1 / Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010:

Năm 2010 vẫn còn ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế Thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn khá cao, tỷ giá USD nhiều biến động bất thường, lãi suất vay ngân hàng tăng cao, tình hình thắt chặt tín dụng của Ngân hàng là những nhân tố trên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Trước những khó khăn, trong đó thách thức lớn nhất là giá nhiên liệu luôn biến động tăng làm giá cước vận chuyển có tăng nhưng không đủ bù đắp chi phí xăng dầu. Trong bối cảnh chung đó, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, điều hành linh hoạt của Ban Giám đốc và sự nhất trí, đồng lòng của toàn thể CBCNV đã giúp Công ty đạt được Kết quả Sản xuất kinh doanh trong năm 2010 khá tốt.

Kết quả hoạt động năm 2010 qua các chỉ tiêu :

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2010	Tỷ lệ so sánh %	
			So với Kế hoạch	So với cùng kỳ năm trước
Doanh thu	Tr đ	114.813	77,75	118,17
Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	22.026	92,57	77,11
Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	16.753	92,86	70,94
Nộp ngân sách	Tr đ	5.273	87,69	106,57
EPS	Đồng	1.729		69,00

Về doanh thu vận chuyển năm 2010 giảm 22,25 % so với kế hoạch, tương ứng với giá trị giảm 32.852.754.111 đ, chủ yếu do tuyến vận chuyển clinker từ nhà máy XM Bình phước về trạm nghiền Thủ đức chưa thực hiện so với kế hoạch.

Hơn nữa trên thị trường xuất hiện nhiều Công ty vận chuyển nhỏ, nên giá cước vận chuyển bị cạnh tranh, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm doanh thu của Công ty trong năm.

Tuy nhiên với 10 năm kinh nghiệm về vận chuyển, Công ty đã khẳng định thương hiệu Vận tải Hà tiên (HTV) phát triển liên tục không ngừng và bền vững trên lĩnh vực vận tải thủy bộ khắp các tỉnh miền Tây và Đông nam bộ .

2 / Triển vọng và Kế hoạch trong tương lai :

Trong quý 1 năm 2011, kinh tế Thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chưa vững chắc và còn nhiều khó khăn. Các nền kinh tế có tác động, ảnh hưởng lớn đến Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật bản tăng trưởng chậm. Những biến động gần đây trên Thế giới như cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực đồng Euro và thâm hụt ngân sách cao ở nhiều nước, bất ổn chính trị tại Trung đông và các nước Châu phi làm giá nhiên liệu tăng liên tục, thảm họa động đất, sóng thần, hạt nhân tại Nhật bản ... , là những yếu tố bất lợi tác động tiêu cực mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước.

Ngoài ra, do Nhà nước thắt chặt tiền tệ, kiểm chế lạm phát, lãi suất cho vay cao, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn...do đó hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bị thu hẹp vì không có vốn để mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu luôn biến động, giá sắt thép tăng sẽ ảnh hưởng đến giá tu bổ, sửa chữa ... là những nguyên nhân làm cho chi phí giá thành vận chuyển tăng cao.

Chúng tôi hy vọng rằng với uy tín và sự tận tâm với khách hàng truyền thống : Công ty CP Vicem Hà tiên, xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây ninh ... cùng với tinh thần đoàn kết gắn bó, tính chủ động tìm tòi những luồng lạch mới có tuyến đường ngắn hơn để chở hàng đến nơi an toàn và đảm bảo đúng tiến độ. Dù nhiệm vụ trước mắt sẽ còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể công nhân lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công Kế hoạch năm 2011 và các năm sau :

Năm 2011, Công ty đề ra Kế hoạch vận chuyển **4.623.250 tấn** hàng hóa, **tăng 855.316 tấn so với năm 2010**, vượt 22,7 % so với năm 2010

Về doanh thu phấn đấu đạt **174,636 tỷ đồng** tăng 52,11 % so với năm 2010, đồng thời phấn đấu **duy trì mức lợi nhuận từ hoạt động Sản xuất kinh doanh xấp xỉ năm 2010** và tỷ lệ chi trả cổ tức là 10 % / năm, tương đương như năm 2010

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính :

Tình hình tài chính năm 2010 của Công Ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2009
1. Vốn điều lệ	Đồng	100.800.000.000	100.800.000.000	100.800.000.000
2. Mệnh giá	d /	10.000	10.000	10.000
3. Vốn cổ phần	CP	10.080.000	10.080.000	10.080.000
4. Sản lượng	Tấn	4.717.700	3.767.934	3.758.870
5. Doanh thu	Đồng	147.665.705.600	114.812.951.489	97.160.515.240
6. Giá vốn hàng bán	Tr đ	123.883.460.808	95.662.693.367	76.263.154.159
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr đ	7.729.000.000	7.958.793.479	7.468.634.926
8. Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	24.053.244.792	22.025.955.230	28.562.539.731
9. Thuế TNDN hiện hành	Tr đ	6.013.311.198	5.273.228.458	4.948.603.620
10. Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	18.039.933.594	16.752.726.772	23.613.936.111
11. Thị giá cổ phiếu	Đồng	21.900	15.200	21.900
12. LN sau thuế / số cổ phần : EPS	Đ / CP	1.916	1.729	2.503

13. LN sau thuế / vốn cổ phần : ROE	%	19.16	17.29	25.03
14. Cổ tức	%	10	10	10
15. Cổ tức / mệnh giá	Đồng	1.000	1.000	1.000
16. Cổ tức / thị giá	%	4.57	6.58	4.57

2. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Năm 2010, Công ty đã khai thác hết nguồn hàng vận chuyển của các đơn vị truyền thống, từng bước tái cấu trúc phương tiện, cải tiến công tác điều độ và điều tiết phương tiện hợp lý, tăng tốc độ bốc dỡ hàng hoá và giải phóng nhanh các phương tiện tại bến

- Nhưng sản lượng năm nay giảm 949.766 tấn chỉ đạt 79,87 % so với KH :

Nguyên nhân do tuyến cảng Sài Gòn đi Quận 9 và tuyến cảng Cát Lái đi Quận 9 khối lượng vận chuyển giảm 501.470 tấn

Vận tải bộ, tuyến vận chuyển clinker từ nhà máy XM Bình Phước về trạm nghiền Thủ Đức cũng không thực hiện được do thay đổi phương thức đầu tư

- Doanh thu vận chuyển trong năm 2010 giảm 22,25 % so với KH và tăng 18,16 % so với năm 2009.

- Cuối năm do ảnh hưởng dư âm của đợt suy thoái kinh tế toàn cầu, tâm lý của mọi người lo sợ sẽ tái diễn đợt suy thoái mới, nên kéo theo thị trường chứng khoán giảm liên tục vào những tháng cuối năm, nên Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán với tổng mức là **5.394.311.800 đồng**.

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến :

Lợi nhuận sau thuế đạt 16,752 tỷ đồng bằng 92,86 % so với KH và bằng 70,94 % năm 2009

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công Ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành :

- Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2010.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2010.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2010

(đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2010 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm Toán độc lập :

1. Đơn vị kiểm toán độc lập :

Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư vấn A & C

Số 229 , đường Đồng Khởi , Quận I , TP. Hồ Chí Minh.

2. Ý kiến của cơ quan kiểm toán:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty đã được Đoàn kiểm toán của Công ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C kiểm toán & lập báo cáo ngày 22.03.2011 đã có những ý kiến sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Vận tải Hà tiên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công Ty nắm giữ trên 50 % vốn cổ phần của Công Ty : Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt nắm giữ 50.479.700.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08 % / vốn điều lệ Công ty.
- Công Ty có trên 50 % vốn cổ phần do Công Ty nắm giữ : không có
- Tình hình đầu tư vào các Công Ty liên quan : không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1 / Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm :

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát

+ Ban Giám đốc (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc)

• Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

• Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên là Giám đốc Công ty, HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Là cơ quan hoạch định và định hướng hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty và là nơi quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm : Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng phòng ban. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức

hợp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện của Công ty quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo

Trong năm 2010, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 và 02 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất của Công ty. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Ông Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết Luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty

- Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và là nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.

Sau một năm làm việc, Ban kiểm soát có nhiệm vụ báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty ; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

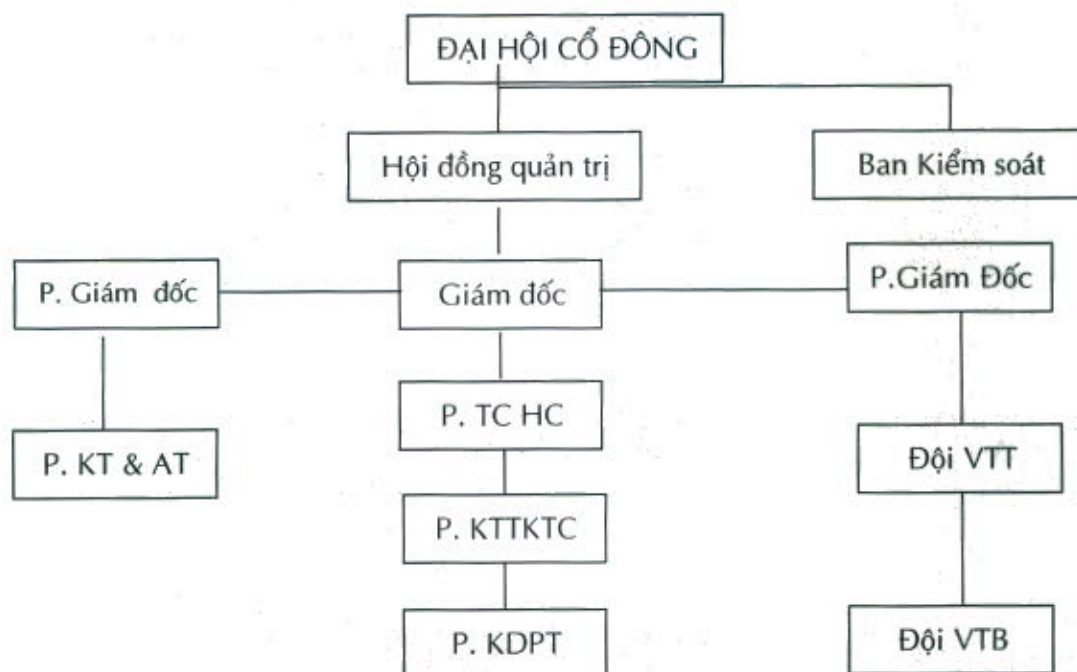
Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước

Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật

- Các Phó Giám đốc là những người phụ giúp Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ được giao

- Kế toán trưởng là người tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công Ty bộ máy quản lý của Công Ty



Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban Giám Đốc :

- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Giám Đốc
Sinh ngày 02.11.1971
Địa chỉ : 214/ 17/ 4, Nguyễn Văn Nguyễn – Quận 1, TP. HCM
Trình độ chuyên môn : Cử nhân hàng hải Gdynia – Balan; Thạc sỹ quản trị kinh doanh San Francisco – Hoa Kỳ
- Ô. Trương Công Bảo, P. Giám Đốc
Sinh ngày 31.03.1955
Địa chỉ : 6 / 7 / 12 Tân Hoá , Phường 1 , Q 11, TP. HCM
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.
- Ô. ĐẶNG THÀNH KẾT, P. Giám đốc
Sinh ngày 30.04.1956
Địa chỉ : 56 A tổ 9 – KP Bến cát – F. Phước bình – Q9- TPHCM
Trình độ chuyên môn :
- Ô. TRẦN MINH HUY, Kế toán trưởng
Sinh ngày 01.01.1957
Địa chỉ : 229 / 135 Thích Quảng Đức – F4- Q. Phú nhuận - TPHCM
Trình độ chuyên môn : cử nhân Kinh tế

Quyền lợi của Ban Giám đốc (tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác) :

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG, THƯỜNG NĂM 2010 (đ)	GHI CHÚ
1	NGUYỄN TUẤN ANH	GIÁM ĐỐC	220.808.205	
2	NGUYỄN THÀNH KẾT	P. GIÁM ĐỐC	254.688.075	
3	TRƯƠNG CÔNG BẢO	P. GIÁM ĐỐC	255.007.100	
4	TRẦN MINH HUY	KẾ TOÁN TRƯỞNG	172.380.299	
	CỘNG		902.883.679	

2 / Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động :

- *Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động (tính đến 31 / 12 / 2010):*

Tổng số : 255 người (tăng 03 người so với năm 2009)

Trong đó, chia ra :

- Trực tiếp : 188 người, chiếm tỷ lệ : 74 %
- Gián tiếp : 67 người, chiếm tỷ lệ : 26 %

Trong đó, chia ra :

- Trên đại học : 01 người, chiếm tỷ lệ : 0,39 %
- Đại học và Cao đẳng : 25 người, chiếm tỷ lệ : 9,80 %
- Trung học chuyên nghiệp : 21 người, chiếm tỷ lệ : 8,24 %
- Công nhân kỹ thuật : 164 người, chiếm tỷ lệ : 64,32%
- Lao động phổ thông : 44 người, chiếm tỷ lệ : 17.25%

- *Các chính sách đối với người lao động :*

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đặc biệt những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn. Năm vừa qua, toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã trích tiền lương của mình ủng hộ quỹ “ xây nhà tình thương ” và Công đoàn Công ty đã xây được hai nhà tình thương cho hai công nhân nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về nơi cư trú.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên

- Ô. Trần Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Ủy Viên HĐQT, TV + Giám đốc Công ty
- Ô. Nguyễn Đình Lịch, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập
- B. Nguyễn Thị Nga, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Minh Ngọc, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập.

Ban Kiểm soát gồm :

- B. Nguyễn Thị Kim Dung , Trưởng ban, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Hữu Đức, Ủy viên , thành viên độc lập
- B. Nguyễn Thị Huệ, Ủy Viên , thành viên độc lập

Mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2010 được tổng hợp như sau :

- Ô. Quán Trọng Dân, Chủ tịch HĐQT cũ	45.000.000 đ
- Ô. Trần Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT,	15.000.000 đ
- Ô. Ngô Minh Lăng, Ủy Viên HĐQT cũ	27.000.000 đ
- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Ủy viên HĐQT	9.000.000 đ
- Ô. Nguyễn Đình Lịch, Ủy Viên HĐQT,	36.000.000 đ
- B. Nguyễn Thị Nga, Ủy Viên HĐQT,	36.000.000 đ
- Ô. Nguyễn Minh Ngọc, Ủy Viên HĐQT,	36.000.000 đ
- B. Nguyễn Thị Kim Dung , Trưởng ban KS,	24.000.000 đ
- Ô. Nguyễn Hữu Đức, Ủy viên ,	18.000.000 đ
- B. Nguyễn Thị Huệ, Ủy Viên ,	18.000.000 đ
TỔNG CỘNG	264.000.000 đ

2. Cơ cấu vốn cổ đông :

Tình hình cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CK SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam đại diện)	5.047.970	50,08
2	Vốn góp của cá nhân khác	5.009.120	49,69
3	Cổ phiếu quỹ	22.910	0,23
	TỔNG CỘNG	10.080.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.

GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN



NGUYỄN TUẤN ANH

Mẫu số B01a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.456.249.735	172,289,061,114
(100=110+120+130+140+150)				
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		40.608.495.999	39,885,944,900
1-Tiền	111	V.01	3.244.495.999	5,781,411,028
2-Các khoản tương đương tiền	112		37.364.000.000	34,104,533,872
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	118.539.732.700	91,160,210,400
1-Đầu tư ngắn hạn	121		129.123.164.341	103,237,454,305
2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(10.583.431.641)	(12,077,243,905)
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.768.169.812	39,919,490,045
1-Phải thu khách hàng	131		50.195.202.842	39,242,872,816
2-Trả trước cho người bán	132		162.853.391	121,128,760
3-Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4-Phải thu theo tiến độ kế hoạch hàng xđựng	134			
5-Các khoản phải thu khác	135	V.03	540.091.579	685,466,469
6-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(129,978,000)	(129,978,000)
IV.Hàng tồn kho	140		447.851.224	636,381,354
1-Hàng tồn kho	141	V.04	447.851.224	636,381,354
2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		92.000.000	687,034,415
1-Chi phí trả trước ngắn hạn	151			427,964,415
2-Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.05		
4-Tài sản ngắn hạn khác	158		92.000.000	259,070,000

B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.888.794.019	46,162,386,048
(200=210+220+240+250+260)				
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1-Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2-Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3-Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4-Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5-Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		26.768.320.046	31,605,677,975
1-Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	26.705.820.046	31,543,177,975
- Nguyên giá	222		73.460.023.000	74,682,495,761
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(46.754.202.954)	(43,139,317,786)
2-Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3-Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	62,500,000	62,500,000
III.Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.120.473.973	13,756,708,073
1-Đầu tư vào công ty con	251			
2-Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3-Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	20,991,045,273	20,991,045,273
4-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(10.870.571.300)	(7,234,337,200)
V.Tài sản dài hạn khác	260		-	800,000,000
1-Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		800,000,000
2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3-Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		247.345.043.754	218,451,447,162

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		25.402.091.288	18.545.274.434
I.Nợ ngắn hạn	310		25.145.925.432	18.469.474.484
1-Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2-Phải trả người bán	312		8.815.173.807	8,362,125,718
3-Người mua trả tiền trước	313		3.000	
4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.825.472.803	4,501,509,087
5-Phải trả người lao động	315		6.000.928.797	3,827,145,050
6-Chi phí phải trả	316	V.17	5.899.066.402	1,220,168,912
7-Phải trả nội bộ	317			
8-Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			
9-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	800.266.525	502,818,880
10-Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	805.014.098	55,706,837
12-Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	327			
II.Nợ dài hạn	330		256.165.856	75,799,950
1-Phải trả dài hạn người bán	331			
2-Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3-Phải trả dài hạn khác	333			
4-Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5-Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6-Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		256.165.856	75,799,950
7-Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8-Doanh thu chưa thực hiện	338			
9-Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	339			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU 400=(410+430)	400		221.942.952.466	199.906.172.728
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	221.942.952.466	199.906.172.728
1-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,800,000,000	100,800,000,000
2-Thặng dư vốn cổ phần	412		69,222,867,374	56,991,898,530
3-Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4-Cổ phiếu quỹ (*)	414		(251,386,896)	(7,288,574,052)

5-Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6-Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7-Quỹ đầu tư phát triển	417		30,763,178,793	22,377,348,670
8-Quỹ dự phòng tài chính	418		4,631,764,132	3,451,764,132
9-Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.776.529.063	23,573,735,448
11-Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1-Nguồn kinh phí	432	V.23		
2-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		247.345.043.754	218,451,447,162

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1- Tài sản thuê ngoài	24		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4- Nợ khó đòi đã xử lý		86,130,626	86,130,626
5- Ngoại tệ các loại			
6- Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU

ng duc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Uuuuuu

Lập ngày 18 tháng 04 năm 2011

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Tuấn Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2010**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.25	114.812.951.489	97.160.515.240
Trong đó: Doanh thu VT Thủy			90.240.965.235	73.189.684.895
Doanh thu vận tải Bộ			24.571.986.254	23.970.830.345
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		114.812.951.489	97.160.515.240
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	95.662.693.367	76.263.154.159
5. Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20		19.150.258.122	20.897.361.081
6. Doanh thu HĐ tài chính	21	VI.26	14.460.130.396	16.014.899.828
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.878.248.631	(2.523.488.720)
Trong đó: Lãi vay phải trả	23			-
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.958.793.479	7.468.634.926
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.773.346.408	31.967.114.703
11. Thu nhập khác	31		2.252.608.822	
12. Chi phí khác	32		-	3.404.574.972
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		2.252.608.822	(3.404.574.972)
14. Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.025.955.230	28.562.539.731
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5.273.228.458	4.948.603.620
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		16.752.726.772	23.613.936.111
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.729	2.503

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
NĂM 2010

T T	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	5	4
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H Đ S X K D			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	22.025.955.230	28.562.539.731
2	Điều chỉnh cho các khoản :			
	Khấu hao tài sản cố định	02	4.837.357.929	6.643.675.853
	Các khoản dự phòng	03	2.142.421.836	(2.395.471.400)
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.955.332.008)	(12.157.511.142)
	Chi phí lãi vay	06		0
3	Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.050.402.987	20.653.233.042
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.681.609.767)	11.315.341.153
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	188.530.130	(276.131.505)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TN)	11	9.041.655.789	5.843.543.612
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.227.964.415	(1.227.964.415)
	Tiền lãi vay đã trả	13	0	0
	Thuế thu nhập đã nộp	14	(8.207.374.654)	0
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.000.000	0
	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.935.883.773)	(856.305.500)
	LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ hoạt động KD	20	5.683.685.127	35.451.716.387
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H Đ ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	0	(9.378.745.520)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.247.700.000	0
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(129.492.000.000)	
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	97.412.000.000	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(185.690.000)	84.569.153.512
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.701.410.000	(95.775.881.678)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.386.201.972	15.498.083.160
	LƯU CHUYỂN TIỀN thuần TỪ H Đ ĐẦU TƯ	30	(12.930.378.028)	(5.087.390.526)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H Đ TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	19.268.156.000	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của DN	32	0	(1.002.948.894)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	0	0
5	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.298.912.000)	(5.660.772.000)

LƯU CHUYỂN TIỀN thuần TỬ H Đ TÀI CHÍNH	40	7.969.244.000	(6.663.720.894)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	722.551.099	23.700.604.967
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.885.944.900	16.185.339.933
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.608.495.999	39.885.944.900

Thủ Đức, ngày 18.04.2011

Người lập biểu

Nguyen

Kế toán trưởng

Nguyen

Giám Đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2010

(Sau kiểm toán)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2010 của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên (gọi tắt là công ty)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; Kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm .

Năm 2010 là năm tài chính thứ 11 của Công Ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công Ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203 / 2009 / TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-10 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải bộ	6 năm
Phương tiện vận tải thuỷ	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này .

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn :

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm

- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi phí trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu

- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố . Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần : được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHÒ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Tiền mặt	111.759.293	19.171.210
- Tiền gửi ngân hàng	3.132.736.706	5.762.239.818
- Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 3 tháng trở xuống)	37.364.000.000	34.104.533.872
Cộng	40.608.495.999	39.885.944.900

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		
+ Cổ phiếu	16.063.164.341	22.257.454.305
+ Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu		
- Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống)	113.060.000.000	80.980.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng	129.123.164.341	103.237.454.305

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn :

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, chi tiết như sau :

- Số đầu năm	(12.077.243.905)	(15.915.407.005)
- Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.493.812.264	(3.838.163.100)
- Số cuối năm	(10.583.431.641)	(12.077.243.905)

4. Các khoản phải thu khách hàng :

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Công ty CP Xi măng Hà tiên 1	44.607.755.243	34.108.161.841
- Công ty CP Minh Tiến	1.915.159.181	2.035.129.239
- Công ty TNHH Vôi Thống Nhất	-	-
- Công ty TNHH Beton Lafarge	361.836.983	1.926.236.509
- Khách hàng khác	3.310.451.435	1.173.345.227
Cộng	50.195.202.842	39.242.872.816

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- DNTN Lâm Thành về hao hụt Clinker, vỏ bao (*)	122.978.000	129.978.000
- Lãi Cty CP tài chính Xi măng vay		
- Công ty Bảo hiểm Viễn đông – Bồi thường tổn thất clinker do XL bị chìm	338.767.000	
- Lãi tiền gửi NH có kỳ hạn	-	489.336.833
- Phải thu khác	78.346.579	66.151.636
Cộng	540.091.579	685.466.469

6. Các khoản trả trước cho người bán:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Công ty TNHH TMDV Nguyễn Ánh Hoàng	-	100.000.000
- Cơ sở Lưu Thị Nga	-	11.128.760
- Công ty Luật TNHH Agzi Let	-	10.000.000
- Các nhà cung cấp khác	162.853.391	-
Cộng	162.853.391	121.128.760

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
Khoản dự phòng nợ phải thu DNTN Lâm Thành	(129.978.000)	(129.978.000)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Nguyên liệu, vật liệu	433.987.145	618.635.028
- Công cụ, dụng cụ	13.864.079	17.746.326
Cộng giá gốc hàng tồn kho	447.851.224	636.381.354

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.456.295.141	4.390.441.337
- Thuế GTGT	1.303.949.798	46.976.518
- Thuế Thu nhập cá nhân	65.227.864	64.091.232
- Các loại thuế khác		
Cộng	2.825.472.803	4.501.509.087

10. Tài sản ngắn hạn khác :

	<u>Số cuối năm (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Tạm ứng	92.000.000	127.070.000
- Ký quỹ dự thầu	-	132.000.000
Cộng	<u>92.000.000</u>	<u>259.070.000</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Dvt: đồng

DIỄN GIẢI	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải thủy	Phương tiện vận tải bộ	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.342.306.294	170.346.569	64.515.762.675	5.678.771.489	1.975.308.734	74.682.495.761
Mua sắm mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(61.255.660)	(1.135.059.964)		(26.157.137)	(1.222.472.761)
Số cuối kỳ	2.342.306.294	109.090.909	63.380.702.711	5.678.771.489	1.949.151.597	73.460.023.000
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.235.906.787	70.346.566	34.571.099.881	5.026.688.155	1.235.276.397	43.139.317.786
Khấu hao trong kỳ	95.442.383	18.181.812	4.300.459.027	169.444.440	253.830.267	4.837.357.929
Thanh lý, nhượng bán	-	(61.255.660)	(1.135.059.964)		(26.157.137)	(1.222.472.761)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.331.349.170	27.272.718	37.736.498.944	5.196.132.595	1.462.949.527	46.754.202.954
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	106.399.507	100.000.003	29.944.662.794	652.083.334	740.032.337	31.543.177.975
Tại ngày cuối kỳ	10.957.124	81.818.191	25.644.203.767	482.638.894	486.202.070	26.705.820.046

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.973.360.208 đ
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 72.152.482 đ
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

12. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
+ CP thiết kế xà lan tự hành	62.500.000	62.500.000
Cộng	62.500.000	62.500.000

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư.

13. Đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
+ Cổ phiếu REE	142.773	142.773
+ Cổ phiếu HT1	20.990.902.500	18.467.238.000
+ Cổ phiếu HT1	-	2.523.664.500
Cộng	20.991.045.273	20.991.045.273

Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Hà tiên 2 được chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty CP Xi măng Hà tiên 1 theo tỷ lệ 1:1

14. Chi phí trả trước dài hạn:

Tám panneaux dây hãm hàng xà lan		
+ Số đầu năm		-
+ Tăng trong năm		1.198.400.000
+ Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(800.000.000)	(398.400.000)
+ Số cuối năm	-	800.000.000

15. Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn :

Số đầu năm	(7.234.337.200)	(5.921.623.500)
Trích lập dự phòng trong năm	(3.636.234.100)	(1.312.713.700)
Số cuối năm	(10.870.571.300)	(7.234.337.200)

16. Chi phí phải trả người bán:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
DNTN Anh Huy	1.485.061.100	1.312.033.250
HTX Cơ khí & thương mại 2 / 9	300.000	834.698.804
Công ty CP khoáng sản Hiệp lực	1.415.269.631	-
HTX DV Vận tải Liên Minh	11.064.702	282.479.262
Công ty TNHH Thảo Quang	-	449.969.485

Công ty TNHH Thanh Long	-	533.134.214
DNTN Hoàng Bảo Long	506.008.398	479.964.693
DNTN Kim Truong	252.205.281	421.483.706
Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	-	469.469.037
Nhà cung cấp khác	5.145.264.695	3.578.893.267
Cộng	8.815.173.807	8.362.125.718

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Bảo hiểm xã hội	5.608.496	7.757.352
- Bảo hiểm y tế	3.439.362	5.400.921
- Kinh phí công đoàn	389.337.486	385.625.460
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	4.992.000
- Các khoản phải trả khác	401.881.181	99.043.147
Cộng	800.266.525	502.818.880

19. Phải trả dài hạn nội bộ.

20. Vay và nợ dài hạn.

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đvt: đồng

Nội dung	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	100.800.000.000	(6.285.625.158)	56.991.898.530	22.377.348.670	3.451.764.132	5.620.571.337	182.955.957.511
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	23.613.936.111	23.613.936.111
Mua cổ phiếu quỹ	-	(1.002.948.894)	-	-	-	-	(1.002.948.894)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(5.660.772.000)	(5.660.772.000)
Số dư cuối năm trước	100.800.000.000	(7.288.574.052)	56.991.898.530	22.377.348.670	3.451.764.132	23.573.735.448	199.906.172.728
Số dư đầu năm nay	100.800.000.000	(7.288.574.052)	56.991.898.530	22.377.348.670	3.451.764.132	23.573.735.448	199.906.172.728
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	16.752.726.772	16.752.726.772
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.385.830.123	1.180.000.000	(12.251.021.157)	(2.685.191.034)
Cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(11.298.912.000)	(11.298.912.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	7.037.187.156	12.230.968.844	-	-	-	19.268.156.000
Số dư cuối kỳ	100.800.000.000	(251.386.896)	69.222.867.374	30.763.178.793	4.631.764.132	16.776.529.063	221.942.952.466

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Vốn góp của Nhà nước	50.479.700.000	50.479.700.000
- Tập đoàn Vận tải Quốc tế Halfdan Grieg (Na Uy)	-	5.040.000.000
- Vốn góp của các cổ đông	50.320.300.000	45.280.300.000
Cộng	100.800.000.000	100.800.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.800.000.000	100.800.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	100.800.000.000	100.800.000.000
- Cổ tức năm trước 2008 (6 %)		(5.660.772.000)
- Cổ tức năm nay 2009 (12%)	(11.298.912.000)	

d. Cổ tức:

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ. Cổ phiếu:

	Số cuối năm (cp)	Số đầu năm (cp)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.080.000	10.080.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.080.000	10.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.080.000	10.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(22.910)	(664.240)
+ Cổ phiếu phổ thông	(22.910)	(664.240)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.057.090	9.415.760
+ Cổ phiếu phổ thông	10.057.090	9.415.760
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: 30.763.178.793đ
- Quỹ dự phòng tài chính: 4.631.764.132đ

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 805.014.098đ

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

+ Bù đắp những tổn hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

+ Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của hội đồng quản trị.

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23. Nguồn kinh phí:

24. Tài sản thuê ngoài:

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01)	114.812.951.489	97.160.515.240
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.157.832.675	91.992.716.503
- Doanh thu khác	655.118.814	5.167.798.737
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02)		
27. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10)	114.812.951.489	97.160.515.240
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	655.118.814	5.167.798.737
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	114.157.832.675	91.992.716.503
28. Giá vốn hàng bán (mã số 11)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	95.662.693.367	76.263.154.159
+ Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	-	-
+ Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	95.662.693.367	76.263.154.159
Cộng	95.662.693.367	76.263.154.159
29. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.189.160.572	9.117.712.068
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	98.383.000
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	73.928.424	

- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.197.041.400	548.804.760
- Lãi thanh lý hợp đồng kinh doanh		6.250.000.000
Cộng	14.460.130.396	16.014.899.828

30. Chi phí tài chính (mã số 22)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Phí môi giới	43.939.132	1.960.680
- Phí uỷ thác	13.317.699	-
- Lỗ do bán cổ phiếu đầu tư	3.678.569.964	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	2.142.421.836	(2.525.449.400)
Cộng	5.878.248.631	(2.523.488.720)

31. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành (mã số 51)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	5.273.228.458	4.948.603.620

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.845.770.659	21.010.173.191
- Chi phí nhân công	23.392.193.979	19.703.814.126
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.837.357.929	6.643.675.852
- Phí và lệ phí	-	42.860.128
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.949.100.411	31.000.458.184
- Chi phí bằng tiền khác	6.597.063.868	5.330.807.604
Cộng	103.621.486.846	83.731.789.085

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Tính cuối năm 2010, Công ty đã bán **641.330 CP quỹ**, với trị giá **19.268.156.000 đồng**. Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch 12.192.432.532 đ vào Thặng dư vốn cổ phần

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kế thúc kỳ kế toán năm:

3. Thông tin về các bên liên quan:

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”
5. Thông tin về hoạt động liên tục:
6. Những thông tin khác :

Trên đây là một số nét chính về thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2010 của Công Ty.

TP HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ NGỌC DIỆP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN MINH HUY



NGUYỄN TUẤN ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2010

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	172,289,061,114	210.456.249.735
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39,885,944,900	40.608.495.999
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	91,160,210,400	118.539.732.700
	- Tiền gửi NH	80,980,000,000	113.060.000.000
	- Đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn	22,257,454,305	16.063.164.341
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12,077,243,905)	(10.583.431.641)
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	39,919,490,045	50.768.169.812
4	Hàng tồn kho	636,381,354	447.851.224
5	Tài sản ngắn hạn khác	687,034,415	92.000.000
II	Tài sản dài hạn	46,162,386,048	36.888.794.019
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	31,605,677,975	26.768.320.046
	- Tài sản cố định hữu hình	31,543,177,975	26.705.820.046
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	62,500,000	62.500.000
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13,756,708,073	10.120.473.973
	- Vốn góp liên doanh		
	- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	20,991,045,273	20.991.045.273
	- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7,234,337,200)	(10.870.571.300)
5	Tài sản dài hạn khác	800,000,000	
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	218,451,447,162	247.345.043.754
IV	Nợ phải trả	18.545.274.434	25.402.091.288
1	Nợ ngắn hạn	18.469.474.484	25.145.925.432
2	Nợ dài hạn	75,799,950	256.165.856
V	Vốn chủ sở hữu	199.906.172.728	221.942.952.466
1	Vốn chủ sở hữu	199,906,172,728	221.942.952.466
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,800,000,000	100.800.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	56,991,898,530	69.222.867.374
	- Vốn khác của chủ sở hữu		

	- Cổ phiếu quỹ	(7,288,574,052)	(251.386.896)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	25,829,112,802	35.394.942.925
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23,573,735,448	16.776.529.063
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	218,451,447,162	247.345.043.754

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.812.951.489	114.812.951.489
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.812.951.489	114.812.951.489
4	Giá vốn hàng bán	95.662.693.367	95.662.693.367
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.150.258.122	19.150.258.122
6	Doanh thu hoạt động tài chính	14.460.130.396	14.460.130.396
7	Chi phí tài chính	5.878.248.631	5.878.248.631
8	Chi phí lãi vay NH		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.958.793.479	7.958.793.479
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.773.346.408	19.773.346.408
11	Thu nhập khác	2.252.608.822	2.252.608.822
12	Chi phí khác		
13	Lợi nhuận khác	2.252.608.822	2.252.608.822
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.025.955.230	22.025.955.230
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.273.228.458	5.273.228.458
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.752.726.772	16.752.726.772
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.729	1.729
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1.000	1.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Ngọc Diệp

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Minh Huy

TRẦN MINH HUY

TP HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2011



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Anh

NGUYỄN TUẤN ANH